ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1168 /QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 29 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 20/8/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 535-TB/TU ngày 29/4/2022 của Tỉnh ủy về việc Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 1453/SXD.QHKT ngày 29/4/2022 về việc thẩm định quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kèm theo hồ sơ bản vẽ đã được các đơn vị liên quan ký thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Quỳnh Lưu.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Viện Quy hoạch -Kiến trúc Xây dựng Nghệ An.

4. Phạm vi ranh giới và niên độ lập quy hoạch:

4.1. Phạm vi ranh giới: Toàn bộ diện tích thuộc ranh giới hành chính huyện Quỳnh Lưu, bao gồm 33 đơn vị hành chính (Thị trấn Cầu Giát và 32 xã: An Hòa, Ngọc Sơn, Quỳnh Bá, Quỳnh Bảng, Quỳnh Châu, Quỳnh Diễn, Quỳnh Đôi, Quỳnh Giang, Quỳnh Hậu, Quỳnh Hoa, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hưng, Quỳnh Lâm, Quỳnh Long, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Tam, Quỳnh Tân, Quỳnh Thạch, Quỳnh Thắng, Quỳnh Thanh, Quỳnh Thọ, Quỳnh Thuận, Quỳnh Văn, Quỳnh Yên, Sơn Hải, Tân Sơn, Tân Thắng, Tiến Thủy). Tổng diện tích lập quy hoạch 43.978,0 ha (439,78 km^2). Phạm vi ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa và thị xã Hoàng Mai;
- Phía Nam và Tây Nam giáp: Huyện Diễn Châu và huyện Yên Thành;
- Phía Đông giáp: Biển Đông;
- Phía Tây giáp: Huyện Nghĩa Đàn và huyện Tân Kỳ.

4.2. Niên độ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch:

5.1. Quan điểm:

- Quy hoạch định hướng phát triển vùng huyện Quỳnh Lưu là sự phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với phát triển chung vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và vùng duyên hải tỉnh Nghệ An; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn, các vùng chức năng với các vùng miền. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững;

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và thế mạnh của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc.

5.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4566/QĐ.UBND-CN ngày 12/11/2007; Quy hoạch xây dựng vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1447/QĐ-TTg ngày

06/9/2009; Quy hoạch vùng duyên hải tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4313/QĐ.UBND-CN ngày 17/10/2011;

- Bảo vệ môi trường thích ứng và chống biến đổi khí hậu. Giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương;

- Tạo lập cơ sở pháp lý để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai, quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, nông thôn mới, làm tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện;

- Hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021, xây dựng huyện Quỳnh Lưu giàu mạnh, văn minh.

6. Nội dung quy hoạch xây dựng:

6.1. Tính chất, chức năng:

- Huyện Quỳnh Lưu là vùng kinh tế tổng hợp trọng điểm phía Bắc của tỉnh Nghệ An, cùng với Hoàng Mai trở thành cực tăng trưởng quan trọng trong vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ;

- Là vùng phát triển với các chức năng đô thị, công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch biển và sinh thái, khai thác chế biến thủy hải sản, nông lâm nghiệp,...

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng.

6.2. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng.

6.2.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế:

- Giai đoạn 2021-2025: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 9,5-10,5%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 21-22%; công nghiệp - xây dựng: 34-35%; thương mại - dịch vụ: 44-45%;

- Giai đoạn 2025-2030: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 11,5-12,5%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 17-18%; công nghiệp - xây dựng: 36-37%; thương mại - dịch vụ: 46-47%;

- Giai đoạn 2030-2050: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 13-14%/năm. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp: 14-15%; công nghiệp - xây dựng: 38-39%; thương mại - dịch vụ: 48-49%.

6.2.2. Dự báo phát triển dân số, lao động:

- Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2020: 278.671 người, trong đó dân số đô thị khoảng 22.690 người, tỷ lệ đô thị hóa 8,14%;

- Dự báo năm 2030: Dân số toàn huyện khoảng 306.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 130.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 42,90%;

- Dự báo năm 2050: Dân số toàn huyện khoảng 368.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 206.000 người, tỷ lệ đô thị hóa 56,20%;

- Dự kiến lực lượng lao động chiếm 50% tổng dân số toàn huyện;

6.3. Định hướng phát triển không gian vùng:

6.3.1. Phân vùng phát triển không gian:

Quy hoạch định hướng phân thành 03 vùng phát triển không gian, theo hướng vừa kết nối với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể như sau:

a) Vùng phía Tây (vùng bán sơn địa):

- Gồm 07 xã: Tân Sơn, Quỳnh Tam, Quỳnh Châu, Quỳnh Thắng, Tân Thắng, Quỳnh Tân và Ngọc Sơn. Tổng diện tích 269,71km2.

- Định hướng phát triển chính: Phát triển 02 đô thị tại 02 tiểu vùng (đô thị Tuần tại tiểu vùng Tây Nam và đô thị Tân Thắng tại tiểu vùng Tây Bắc). Phát triển công nghiệp gồm Khu công nghiệp Tân Thắng, Khu công nghiệp Tây Bắc, Cụm công nghiệp Quỳnh Châu. Phát triển nông nghiệp với vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, dược liệu; chăn nuôi gia súc, gia cầm. Phát triển du lịch sinh thái gắn với các hồ đập lớn.

b) Vùng Trung tâm (vùng đồng bằng):

- Gồm thị trấn Cầu Giát và 16 xã: Quỳnh Hoa, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Diễn, Quỳnh Hưng, Quỳnh Giang, Quỳnh Bá, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hậu, An Hoà, Quỳnh Thạch, Quỳnh Đôi, Quỳnh Yên, Quỳnh Lâm, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Văn và Quỳnh Thanh. Tổng diện tích: 117,52km2.

- Định hướng phát triển chính: Phát triển 02 đô thị (hạt nhân là đô thị Cầu Giát và đô thị Quỳnh Văn); định hướng phát triển công nghiệp gồm: Khu công nghiệp Diễn Quỳnh; Cụm công nghiệp Quỳnh Mỹ; Cụm công nghiệp sạch đô thị Cầu Giát mở rộng; Cụm công nghiệp Quỳnh Thạch và Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Hoa. Phát triển nông nghiệp với vùng trồng lúa và hoa màu; phát triển nông nghiệp, công nghiệp công nghệ cao và du lịch dịch vụ.

c) Vùng Đông Nam (vùng ven biển):

- Gồm 09 xã: Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thuỷ, Sơn Hải, Quỳnh Thuận, Quỳnh Thọ và Quỳnh Long. Tổng diện tích: 53,46km2.

- Định hướng phát triển chính: Phát triển 02 đô thị (đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa và đô thị Quỳnh Bảng); định hướng phát triển công nghiệp gồm: Khu công nghiệp Lạch Quèn, cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Nghĩa; phát triển nông nghiệp vùng nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản; phát triển du lịch nghỉ dưỡng gắn với biển.

6.3.2. Định hướng phát triển không gian đô thị: Định hướng phát triển thành 02 giai đoạn.

- Giai đoạn 2021- 2030: Toàn huyện có 06 đô thị: Đô thị Cầu Giát (mở rộng phạm vi ranh giới đô thị thêm các xã: Quỳnh Hồng, Quỳnh Hậu và một phần xã Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng); đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa được hình thành từ đô thị Sơn Hải và các xã Quỳnh Thuận, Quỳnh Long, Tiến Thủy,

Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Minh; mở rộng đô thị Tuần và đô thị Quỳnh Bảng, hình thành đô thị Tân Thắng và đô thị Quỳnh Văn. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 42,90%.

- Giai đoạn 2030-2050: Toàn huyện có 06 đô thị: Cầu Giát, Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng, Tuần, Tân Thắng và Quỳnh Văn. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 56,20%.

a) Đô thị Cầu Giát (đô thị loại IV): Có chức năng là thị trấn huyện lỵ - Trung tâm hành chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ công cộng của huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030: Gồm Thị trấn Cầu Giát hiện nay (mở rộng phạm vi đô thị thêm các xã: Quỳnh Hồng, Quỳnh Hậu và một phần diện tích các xã: Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng); định hướng đến năm 2030: diện tích 1400,0ha; dân số khoảng 51.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030-2050: Tiếp tục mở rộng lấy toàn bộ ranh giới hành chính các xã: Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng và một phần xã Quỳnh Hoa. Định hướng đến năm 2050: diện tích 2.316,0ha; dân số khoảng 80.000 người.

b) Đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa (đô thị loại IV): Là đô thị biển phía Đông Nam huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030: Gồm đô thị Sơn Hải (mở rộng phạm vi ranh giới đô thị thêm các xã: Quỳnh Thuận, Quỳnh Long, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thủy, Quỳnh Minh. Định hướng đến năm 2030: diện tích 2.539,0ha; dân số khoảng 50.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030-2050: Phát triển lấp đầy, nâng cao tiêu chí đô thị loại IV. Định hướng đến năm 2050: diện tích 2.539,0ha; dân số khoảng 70.000 người.

c) Đô thị Quỳnh Bảng (đô thị loại V): Là đô thị biển phía Đông Bắc huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030: Hình thành đô thị Quỳnh Bảng tại khu vực trung tâm xã Quỳnh Bảng. Định hướng đến năm 2030: diện tích 400,0ha; dân số khoảng 8.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Tiếp tục mở rộng đất đô thị lên khoảng 600,0ha; dân số khoảng 15.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

d) Đô thị Tuần (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Tây huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030: Hình thành đô thị Tuần trên cơ sở mở rộng quy hoạch đô thị đã được phê duyệt về phía Tây Bắc, dọc hai bên Quốc lộ 48, và đường tỉnh 538. Định hướng đến năm 2030. Diện tích 400,0ha; dân số khoảng 10.000 người. Phát triển thành đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Tiếp tục mở rộng đô thị, diện tích khoảng 600,0ha; dân số khoảng 16.000 người. Hoàn thiện và nâng cao đạt tiêu chí đô thị loại V.

e) Đô thị Tân Thắng (đô thị loại V): Là đô thị Công nghiệp - dịch vụ phía Tây Bắc huyện Quỳnh Lưu,

- Giai đoạn 2021-2030: Hình thành đô thị Tân Thắng trên cơ sở phát triển không gian khu vực dọc hai bên tuyến Quốc lộ 48D và Đường tỉnh 538. Diện tích 400,0ha; dân số khoảng 4.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Mở rộng phát triển lấp đầy, nâng cao tiêu chí đô thị loại V. Diện tích 800,0ha; dân số khoảng 12.000 người.

f) Đô thị Quỳnh Văn (đô thị loại V): Là đô thị dự phòng phát triển trung tâm hành chính vùng Quỳnh Lưu - Hoàng Mai.

- Giai đoạn 2021-2030: Hướng phát triển không gian dọc theo Quốc lộ 1A, Đường huyện 273B. Diện tích 400,0ha; dân số khoảng 7.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050: Mở rộng phát triển lấp đầy, nâng cao tiêu chí đô thị loại V. Diện tích 550,0ha; dân số khoảng 13.000 người.

6.3.3. Định hướng phát triển nông thôn:

a) Giai đoạn 2021-2030:

- Thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới các đơn vị hành chính đã được sát nhập theo Nghị quyết số 831/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sáp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An, một số xã sát nhập vào thị trấn, sau khi sát nhập tổng số xã dự kiến là 30 xã.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng, xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Quy hoạch xây dựng các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030 dân số nông thôn khoảng 175.000 người.

b) Giai đoạn 2030-2050:

- Thực hiện việc sát nhập các xã theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, một số xã sát nhập vào thị trấn, tổng số xã dự kiến sau khi sát nhập là 28 xã. Xây dựng huyện nông thôn kiểu mẫu theo hướng phát triển nông nghiệp, công nghiệp công nghệ cao và du lịch dịch vụ.

- Xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên toàn huyện. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 161.000 người.

6.3.4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Định hướng quy hoạch 04 khu công nghiệp với tổng diện tích 789,75ha, gồm:

+ Khu công nghiệp Tân Thắng tại xã Tân Thắng với quy mô 435ha gắn với Khu đô thị và công nghiệp Tân Thắng, phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng;

+ Khu công nghiệp Diễn Quỳnh, tại xã Quỳnh Giang khoảng 130ha (trên tổng diện tích 650ha, đã tích hợp quy hoạch tỉnh), phục vụ công nghiệp nhẹ như chế tạo, sản xuất linh kiện ô tô,...

+ Khu công nghiệp Lạch Quèn tại xã Quỳnh Thuận quy mô 104,75ha, phục vụ công nghiệp chế biến thủy sản và hậu cần nghề cá;

+ Khu công nghiệp Tây Bắc tại xã Tân Thắng 120ha (trên tổng diện tích 500ha), phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp phụ trợ.

- Quy hoạch 04 cụm công nghiệp với tổng diện tích 222ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Quỳnh Châu tại xã Quỳnh Châu, quy mô khoảng 70ha, phục vụ công nghiệp chế biến nông lâm sản;

+ Cụm công nghiệp Quỳnh Mỹ tại xã Quỳnh Mỹ, quy mô khoảng 68ha, phục vụ công nghiệp nhẹ như giày da;

+ Cụm công nghiệp sạch đô thị Cầu Giát mở rộng tại xã Quỳnh Ngọc và xã Quỳnh Yên, có quy mô khoảng 30ha, phục vụ chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng...

+ Cụm công nghiệp Quỳnh Thạch tại xã Quỳnh Thạch, quy mô khoảng 54ha, phục vụ công nghiệp nhẹ như may mặc, giày da,...

- Quy hoạch 03 cụm công nghiệp làng nghề, gồm:

+ Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Văn tại xã Quỳnh Văn, có quy mô 35ha, sản xuất vật liệu xây dựng và chế tạo cơ khí;

+ Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Nghĩa tại xã Quỳnh Nghĩa, có quy mô 25ha, phục vụ hậu cần nghề cá;

+ Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Hoa tại xã Quỳnh Hoa, có quy mô 12ha, phục vụ công nghiệp nhẹ.

6.3.5. Phát triển nông nghiệp:

- Trồng trọt: Lúa trồng tập trung tại phân vùng trung tâm và một phần phân vùng phía Tây. Rau màu trồng tập trung chủ yếu tại các xã bãi ngang thuộc phân vùng phía Đông (Quỳnh Lương, Quỳnh Bảng, Quỳnh Minh...) và một số xã thuộc phân vùng miền Tây (Tân Sơn, Quỳnh Tam..). Cây công nghiệp, cây ăn quả trồng tập trung tại các xã phía Tây Bắc thuộc phân vùng phía Tây.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tập trung tại các xã phía Tây Nam thuộc phân vùng phía Tây.

- Thủy sản: Khai thác, nuôi trồng thủy hải sản vùng nước mặn, nước lợ tập trung tại các xã ven biển; nuôi trồng thủy sản vùng nước ngọt tại các xã vùng phía Tây.

- Lâm nghiệp: Quy hoạch rừng phòng hộ tập trung dọc bờ sông, dọc bờ biển và vùng đồi núi phía Tây; rừng sản xuất tập trung chủ yếu tại các xã vùng phía Tây (vùng bán sơn địa).

6.3.6. Phát triển thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch các trung tâm thương mại tại vùng đô thị và khu đông dân cư có đầu mối chính tại 06 đô thị: Cầu Giát, Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Tuần, Tân,

Thắng, Quỳnh Bảng và Quỳnh Văn. Chức năng là: Trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho khu vực.

- Định hướng nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ hiện trạng; xây dựng mới chợ du lịch biển tại xã Quỳnh Nghĩa, chợ đầu mối thủy sản tại xã Quỳnh Thuận, chợ vùng tại xã Tân Thắng.

6.3.7. Phát triển du lịch: Gồm 03 loại hình du lịch: Du lịch biển; du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng. Cụ thể:

- Du lịch biển: Khu du lịch biển Quỳnh (các xã ven biển), trung tâm là các xã Quỳnh Bảng, Quỳnh Nghĩa: Diện tích: 698,54ha. Là khu du lịch nghỉ dưỡng, phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí...

- Du lịch văn hóa - lịch sử: Phát triển trên cơ sở phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ, văn hóa tâm linh, tín ngưỡng..., bao gồm:

+ Điểm du lịch di tích khảo cổ Quỳnh Văn: Nơi các thế hệ người Việt cổ từng sống, lao động và đấu tranh để xây dựng nên nước Âu Lạc;

+ Điểm du lịch văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ: Đền thờ trạng nguyên Hồ Hưng Dật tại xã Ngọc Sơn (xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 2014);

+ Điểm du lịch các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng: Cụm di tích Quỳnh Đôi có 09 di tích lịch sử đã được xếp hạng, trong đó có 08 di tích cấp Quốc gia;

+ Điểm du lịch danh thắng, văn hóa tín ngưỡng, tâm linh: Đền thờ Hồ Xuân Hương, nhà thờ họ Hồ (Quỳnh Đôi), đền Quy Lĩnh (Quỳnh Lương), đền Thượng (Quỳnh Nghĩa), đền Cửa Gan (Quỳnh Hoa), đền Voi (Quỳnh Hồng), đền Cồng (Quỳnh Hưng), đền thờ trạng nguyên Hồ Hưng Dật...

- Du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng:

+ Khu du lịch hang Dơi tại xã Quỳnh Tam, diện tích khoảng 10ha. Là khu du lịch mang lại trải nghiệm thiên nhiên hoang dã;

+ Khu du lịch sinh thái hồ Vực Mấu, diện tích khoảng: 620ha (chia làm 03 khu vực bao quanh hồ Vực Mấu);

+ Quy hoạch Sân golf và Resort vị trí hồ An Ngãi (hồ Bà Tùy), xã Quỳnh Tân với quy mô 559,17ha (trong đó diện tích mặt nước khoảng 250ha);

+ Khu du lịch sinh thái hồ Khe Lại: Diện tích khoảng 200ha, nằm bên hồ Khe Lại. Là khu du lịch nghỉ dưỡng, phục vụ trải nghiệm về nông nghiệp, các hoạt động đội nhóm;

+ Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Khe Gỗ (hồ 3/2): Diện tích khoảng 402ha (bao gồm khu vực hồ Khe Gỗ và hai bên hồ thuộc xã Tân Sơn và xã Quỳnh Tam). Là khu du lịch nghỉ dưỡng, mang lại trải nghiệm thiên nhiên hoang dã;

+ Phát triển du lịch "trang trại Edufarm" khai thác từ hệ thống giáo dục đổi mới gắn với các trang trại, sản xuất nông, thủy sản đặc trưng của huyện. Cụ thể: khu vực phía Tây và phía Đông của huyện.

6.4. Quy hoạch sử dụng đất toàn huyện:

Bảng tổng hợp định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn huyện như sau:

TT	Thành phần đất	Hiện trạng 2020		Dự báo 2030			Dự báo 2050		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng đất đai (+/-)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Cân bằng đất đai (+/-)
I	Đất phát triển đô thị	522,00	1,19	5.539,00	12,60	5.017,00	7.405,00	16,93	6.883,00
1	*Đất dân dụng*	*154,86*	*0,35*	*1.270,00*	*2,89*	*1.115,14*	*2.472,00*	*5,62*	*2.317,14*
2	*Đất ngoài dân dụng*	*367,14*	*0,84*	*4.269,00*	*9,71*	*3.901,86*	*4.933,00*	*11,31*	*4.565,86*
II	Đất phát triển nông thôn	1.446,18	3,29	926,03	2,11	-520,15	773,96	1,76	-672,22
III	Đất công nghiệp	137,71	0,31	708,00	1,61	570,29	1119,75	2,55	982,04
IV	Đất nông nghiệp	34.238,59	77,86	29.333,75	64,95	-4.904,84	27.663,80	62,16	-6.574,79
1	*Đất sản xuất nông nghiệp*	*19.278,47*	*43,84*	*16.268,38*	*37,00*	-3.010,09	*15.700,87*	*35,61*	*-3.577,60*
2	*Đất lâm nghiệp*	*13.079,88*	*29,74*	*10.762,11*	*24,47*	*-2.317,77*	*10.430,15*	*23,72*	*-2.649,73*
3	*Đất nuôi trồng thủy sản*	*1.230,36*	*2,80*	*1.150,26*	*2,62*	*-80,10*	*982,78*	*2,23*	*-247,58*
4	*Đất làm muối*	*592,11*	*1,35*	*350,00*	*0,80*	*-242,11*	*250,00*	*0,57*	*-342,11*
5	*Đất khác*	*57,77*	*0,13*	*30,00*	*0,07*	*-27,77*	*10,00*	*0,02*	*-47,77*
V	Đất an ninh quốc phòng	516,32	1,17	961,88	2,19	445,56	961,88	2,19	445,56
VI	Mặt nước	683,26	1,55	623,10	1,41	-60,16	587,23	1,33	-96,03
VII	Đất khác (đất nghĩa trang; tôn giáo; đất có mục đích công cộng; đất chưa sử dụng)	4.078,91	9,28	3.657,45	8,31	-421,46	1.911,22	4,35	-2.167,69
VIII	Đất giao thông	2.350,41	5,35	2.997,17	6,82	646,76	3.840,54	8,73	1.490,13
TỔNG		**43.973,38**	100	**43.973,38**	100		**43.973,38**	100	

6.5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

6.5.1. Hệ thống công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị: Thị trấn Cầu Giát (đô thị loại IV), đô thị

Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa (đô thị loại IV), các đô thị: Tuần, Tân Thắng, Quỳnh Bảng, Quỳnh Văn (đô thị loại V) theo định hướng có nhiều cấp học.

- Giai đoạn 2021-2030: Dự báo dân số 306.000 người. Dự kiến có 106 cơ sở giáo dục, trong đó có 02 trường trung cấp nghề; 07 trường THPT; 24 trường THCS; 08 trường tiểu học và THCS, 31 trường tiểu học và 35 trường mầm non. Mở thêm trường giáo dục hòa nhập tại thị trấn Cầu Giát.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 368.000 người. Dự kiến có 107 cơ sở giáo dục, trong đó có 02 trường trung cấp nghề; 08 trường THPT; 24 trường THCS; 08 trường tiểu học và THCS, 31 trường tiểu học và 35 trường mầm non. Phát triển trường THCS Hồ Xuân Hương thành trường trọng điểm chất lượng cao của tỉnh. Mở mới trường PTTH tại vùng Tân Thắng. Nâng cấp mở rộng trường Trung cấp nghề tại xã Quỳnh Hoa theo hướng ưu tiên đào tạo các ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, tỉnh khu vực miền trung.

6.5.2. Hệ thống công trình y tế: Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị: Cầu Giát, Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Tuần và đô thị Tân Thắng. Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế 33/33 xã, thị trấn, kiên cố 2 tầng, hạ tầng y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong huyện. Phát triển bệnh viện công lập và các cơ sở y tế khác (như trạm xá, phòng khám, hiệu thuốc...). Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2030: Dự báo dân số 306.000 người; tổng số giường bệnh 1200 giường bệnh. Tiêu chí 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế với 100% người dân tham gia bảo hiểm Y tế. Nâng cấp bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II, quy mô 450 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Quang Thành tại xã Quỳnh Hồng đạt chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 200 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Minh An (tại xã Quỳnh Giang) đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 250 giường bệnh. Quy hoạch thêm bệnh viện vùng Tân Thắng, quy mô 150 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Quy hoạch bệnh viện xã hội hóa tại xã Quỳnh Minh, quy mô 400 giường, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Quy hoạch bệnh viện dưỡng lão vùng ven biển.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 368.000 người; tổng số 1500 giường bệnh. Nâng cấp Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II, quy mô 550 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Quang Thành (tại xã Quỳnh Hồng) đạt chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 300 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Minh An (tại xã Quỳnh Giang) đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 250 giường bệnh. Nâng cấp bệnh viện vùng Tân Thắng đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 200 giường bệnh. Nâng cấp bệnh viện vùng Quỳnh Minh, quy mô 550 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II. Quy hoạch bệnh viện đa khoa, quy mô 200 giường bệnh tại đô thị Tuần; nâng cấp bệnh viện dưỡng lão vùng ven biển.

6.5.3. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt tiêu chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn,

+ Thị trấn Cầu Giát: Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, quy mô 1,5ha, gồm: Nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện;

+ Trung tâm văn hóa khu vực tại đô thị: Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Tuần, Tân Thắng, Quỳnh Bảng. Quy mô đạt tối thiểu 1,0ha/trung tâm;

- 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới;

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại thị trấn Cầu Giát gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sới vật... tổng diện tích khoảng 5ha;

+ Trung tâm TDTT cấp khu vực tại các đô thị: Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Tuần; Tân Thắng: sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô 4ha/trung tâm;

+ Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã và thị trấn đã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 01 sân thể thao phổ thông từ 5000-8000m2, nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa diện tích 200-300m2, 3-5 sân tập thể thao.

6.5.4. Vùng bảo tồn sinh thái, di tích văn hóa lịch sử.

- Vùng bảo tồn sinh thái: Bảo vệ rừng phòng hộ ven biển; bảo vệ rừng tự nhiên, khu vực lòng hồ (Hồ Vực Mấu, Hồ Khe Lại, Hồ Khe Gỗ,...).

- Vùng bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử đã được công nhận và đã đưa vào danh mục kiểm kê, bảo tồn (15 di tích Quốc gia, 18 di tích cấp tỉnh).

6.5.5. Vùng cấm xây dựng, hạn chế xây dựng:

Khu vực hành lang an toàn công trình thủy lợi như: Đê biển, đê sông, hệ thống hồ đập, hệ thống kênh tưới tiêu... hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, đường thủy; hành lang an toàn nguồn nước (Hồ Vực Mấu, Hồ Khe Lại).

6.6. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạ tầng:

6.6.1. Giao thông:

a) Giao thông đường bộ:

- Đường bộ cao tốc Bắc Nam: Chiều dài qua địa bàn huyện 14,30km, quy mô mặt cắt ngang đường gồm 06 làn xe, lộ giới bao gồm cả hành lang an toàn đường bộ rộng trung bình 100,0m.

- Quốc lộ: Trên địa bàn huyện gồm 05 tuyến Quốc lộ, tổng chiều dài 72,40km, quy mô quy hoạch cụ thể như sau:

+ Quốc lộ 1: Dài 12,4km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48: Dài 8,5km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48B: Dài 25,0km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe, mở rộng đoạn Tuần đến Quốc lộ 1, dài khoảng 5,0km, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48D: Dài 8,9km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48E: Dài 17,6km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

- Đường bộ ven biển: Dài 16,5km, quy mô quy hoạch đường cấp III đồng bằng, 02 làn xe;

- Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện gồm 04 tuyến Đường tỉnh, tổng chiều dài 70,21km, quy mô quy hoạch cụ thể như sau:

+ Đường tỉnh 537B: Dài 14,6km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe;

+ Đường tỉnh 537D: Dài 23,96km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe

+ Đường tỉnh 538: Dài 29,15km, quy mô quy hoạch đường cấp III,02 làn xe;

+ Đường tỉnh538C: Dài 2,50km (tổng chiều dài tuyến 21,0km), quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe;

- Đường huyện và trục chính khu vực:

+ Đường huyện: Quy hoạch 28 tuyến với quy mô đường cấp IV, cấp V, đảm bảo kết nối các khu vực chức năng trong huyện và hệ thống Đường tỉnh, Quốc lộ;

+ Đường chính khu vực đô thị và khu vực du lịch: kết nối khu vực thị trấn Quỳnh Lưu, khu vực đô thị và khu vực du lịch với các hệ thống giao thông chính của huyện, bề rộng mặt cắt ngang đường từ 29,0 - 60,0m.

Bảng tổng hợp quy hoạch giao thông đường bộ

TT	Tên đường	Giai đoạn 2021-2030			Giai đoạn 2030 - 2050		
		Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (cấp đường)	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (cấp đường)
I	**Đường bộ cao tốc**	**14,36**	**04**	**II**	**14,36**	**I**	**06**
II	**Quốc lộ**	**72,40**			**72,40**		
2.1	QL1	12,40	04	III	12,40	04	III
2.2	QL48	8,50	02	III	8,50	04	III
2.3	QL48B	25,00	02	III	25,00	02	III
	Đoạn QL1-Tuần	5,00	04	III	5,00	04	III
2.4	QL48D	8,90	02	III	8,90	04	III
2.5	QL48E	17,60	02	IV	17,60	04	III
III	**Đường bộ ven biển**	16,50	02	III	16,50	02	III
IV	**Đường tỉnh**	**58.75**			**58,75**		
4.1	ĐT537B	14,60	02	IV	14,60	02	III
4.2	ĐT537D	12,50	02	IV	12,50	02	III
4.3	ĐT538	29,15	02	IV	29,15	02	III
4.4	ĐT538C	2,50	02	IV	2,50	02	III
V	**Đường huyện**	**201,13**			**253,96**		

5.1	ĐH.270	6,10	02	V	6,10	02	V
5.2	ĐH.270B				5,50	02	V
5.3	ĐH.271	7,23	02	V	7,23	02	V
5.4	ĐH.271B	16,90	02	V	16,90	02	IV
5.5	ĐH.272	23,00	02	V	23,00	02	IV
5.6	ĐH.273	23,67	02	V	23,67	02	IV
5.7	ĐH.274	9,10	02	V	9,10	02	IV
5.8	ĐH.273B	15,40	02	IV	15,40	02	III
5.9	ĐH.275	9,00	02	IV	9,00	02	IV
5.10	ĐH.276	3,50	02	V	3,50	02	IV
5.11	ĐH.277	11,00	02	V	11,00	02	IV
5.12	ĐH.278	7,81	02	IV	7,81	02	IV
5.13	ĐH.280				4,60	02	IV
5.14	ĐH.281	12,00	02	V	8,10	02	IV
5.15	ĐH.283				19,60	02	V
5.16	ĐH.284	6,20	02	V	6,20	02	IV
5.17	ĐH.285	15,60	02	V	15,60	02	IV
5.18	ĐH.286				13,50	02	IV
5.19	ĐH.01	15,10	04	II	15,10	60m (46m)	
5.20	ĐH.02	11,18	02	IV	11,18	02	III
5.21	ĐH.03	12,34	02	IV	12,34	04	III
5.22	ĐH.04				3,60	02	V
5.23	ĐH.05				2,50	02	V
5.24	ĐH.06				2,80	02	V
5.25	ĐH.07				3,20	02	V
5.26	ĐH.08				2,20	02	V
5.27	ĐH.09				5,20	02	V
5.28	ĐH.10				5,00	02	V

b) Giao thông đường thủy:

- Kênh Nhà Lê (sông Mơ, sông Hàu): Đoạn qua địa bàn huyện dài 25,0km, quy hoạch tuyến đường sông tiêu chuẩn cấp V.

- Sông Thái: Quy hoạch tuyến đường sông tiêu chuẩn cấp V.

- Cảng: Gồm cảng tổng hợp Lạch Quèn, quy mô loại I, kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão, quy mô neo đậu 1000 chiếc/loại tàu lớn nhất 1000CV và Cảng tổng hợp Lạch Thơi, quy mô neo đậu 350 chiếc/loại tàu lớn nhất 500CV.

c) Giao thông đường sắt:

- Đường sắt tốc độ cao: Theo quy hoạch quốc gia./

- Đường sắt Bắc - Nam: Đoạn chạy qua địa bàn huyện dài khoảng 12,65km, Di tu, bảo dưỡng, hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trên toàn tuyến.

- Đường Sắt Cầu Giát - Thái Hòa: Đoạn chạy qua địa bàn huyện dài khoảng 14,0km, tiếp tục duy tu bảo dưỡng.

d) Bến xe cấp huyện: Quy hoạch 05 bến xe, cụ thể như sau.

- Bến xe thị trấn Cầu Giát tại Km403+600 QL1A, xã Quỳnh Hồng: Tiêu chuẩn bến xe loại 1;

- Bến xe Tân Thắng: Tiêu chuẩn bến xe loại 1;

- Bến xe Sơn Hải: Tiêu chuẩn bến xe loại 1;

- Bến xe Quỳnh Bảng: Tiêu chuẩn bến xe loại 2;

- Bến xe Tuần: Tiêu chuẩn bến xe loại 2.

6.6.2. San nền, thoát nước:

a) Nền xây dựng: Căn cứ các hồ sơ quy hoạch trên địa bàn huyện đã phê duyệt, tài liệu điều tra khảo sát địa hình, thủy văn để lựa chọn cao độ nền đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật hiện hành, cụ thể như sau:

- Đô thị Cầu Giát: Cao độ san nền từ + 2.70m đến +3.80m;

- Đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa: Cao độ san nền từ + 2.50m đến +4,80m;

- Đô thị Quỳnh Bảng: Cao độ san nền từ + 2.50m đến +4.50m;

- Đô thị Quỳnh Văn: Cao độ san nền từ + 3,10m đến +4.50m;

- Đô thị Tuần: Cao độ san nền từ + 5.70m đến +75.0m;

- Đô thị Tân Thắng:

+ Phía Tây Bắc khu quy hoạch đô thị (có đập Khe Lại), cao độ san nền từ: + 35.80m đến +63.0m;

+ Khu trung tâm đô thị: Cao độ san nền từ + 23.50m đến +53.0m;

+ Khu vực hạ lưu hồ Vực Mấu: Cao độ san nền từ + 5.50m đến +12.3m.

- Các khu vực khác ngoài đô thị: Cao độ nền xây dựng phù hợp cao độ nền hiện trạng và đảm bảo nền ổn định, không bị ngập lũ, tránh đào sâu, đắp cao.

b) Thoát nước mưa: Dựa vào địa hình, các trục tiêu và hướng tiêu nước chính chia huyện Quỳnh Lưu thành 3 lưu vực:

- Lưu vực 1: Phía Đông huyện Quỳnh Lưu, bao gồm Thị trấn Cầu Giát, đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, 21 xã ven biển và vùng đồng bằng: Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Thọ, Quỳnh Thạch, Quỳnh Văn, Quỳnh Hoa, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Thanh,... diện tích khoảng 18.823,0ha.

Nước mặt chảy về hệ thống kênh tiêu khu vực, gồm 05 tuyến chính: Kênh tiêu Tố Khê, kênh tiêu Cầu Báng, kênh tiêu Bình Sơn, kênh tiêu Bến Hải - Phù Sỹ - Nguyễn Văn Trỗi, kênh tiêu Cù Chính Lan. đổ về sông Thái, kênh Nhà Lê (sông Mơ, sông Hàu), đổ ra biển./

- Lưu vực 2: Phía Tây Bắc huyện Quỳnh Lưu, bao gồm 03 xã: Tân Thắng, Quỳnh Thắng, Quỳnh Tân, và một phần xã Quỳnh Châu. Diện tích lưu vực S = 183.304,0ha.

Nước mặt chảy về các khe suối địa hình chính, như: Khe Lại, suối Cái, và đổ Hồ Vực Mấu, ra sông Hoàng Mai, ra biển.

- Lưu vực 3: Phía Tây Nam của huyện Quỳnh Lưu, bao gồm 02 xã: Tân Sơn, Quỳnh Tam, một phần xã Quỳnh Châu; diện tích lưu vực S = 6.896,0ha.

Nước mặt chảy về các khe suối địa hình chính, như: Khe Gỗ, khe Dẻ Vàng.

6.6.3. Cấp nước sạch, thủy lợi và hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

a) Cấp nước:

- Phân vùng cấp nước (gồm 04 vùng):

+ Vùng cấp nước 1 (trung tâm): Cấp nước cho thị trấn Cầu Giát và 09 xã Quỳnh Bá, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giang, Quỳnh Hưng, Quỳnh Thọ, Quỳnh Diễn, Quỳnh Lâm, Quỳnh Mỹ và Ngọc Sơn. Nguồn nước Sông Đào thông qua hệ thống Kênh Vách Bắc, giải pháp là mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát đồng thời hòa mạng Nhà máy nước Quỳnh Lâm và Quỳnh Thọ;

+ Vùng cấp nước 2 (phía Bắc): Cấp nước cho 04 xã Quỳnh Thạch, Quỳnh Hoa, Quỳnh Văn và Quỳnh Tân. Nguồn nước Sông Đào thông qua hệ thống Nông Giang, giải pháp là việc mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Quỳnh Thạch;

+ Vùng cấp nước 3 (phía Đông và Tây Bắc): Cấp nước cho 16 xã: Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thủy, Quỳnh Thanh, Quỳnh Hậu, Quỳnh Đôi, Quỳnh Yên, Quỳnh Ngọc, An Hòa, Sơn Hải, Quỳnh Thuận, Quỳnh Long, Quỳnh Thắng và Tân Thắng. Nguồn nước hồ Vực Mấu, nhà máy nước Hoàng Mai cấp nước cho thị xã Hoàng Mai và vùng này, đồng thời hòa mạng các Nhà máy nước Quỳnh Thanh, Quỳnh Yên và Quỳnh Đôi;

+ Vùng cấp nước 4 (phía Tây Nam): Cấp nước cho 03 xã: Tân Sơn, Quỳnh Châu và Quỳnh Tam. Nguồn nước từ hồ Khe Gỗ; xây dựng mới Nhà máy nước Tân Sơn.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Năm 2030: Khu vực đô thị là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; khu vực nông thôn là 90l/ng.ngđ, tỷ lệ 95%, công nghiệp là 25m3/ha.ngđ;

+ Năm 2050: Khu vực đô thị là 120l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; khu vực nông thôn là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%, công nghiệp là 30m^3/ha.ngđ.

- Công suất cấp nước:

+ Năm 2030: Khoảng 48.000m^3/ngđ,trong đó vùng 1 công suất 11.700m^3/ngđ, vùng 2 - công suất 6.200m3/ngđ, vùng 3 công suất 24.100m3/ngđ, vùng 4 công suất 6.200m3/ngđ);

+ Năm 2050: Khoảng 85.000m^3/ngđ, trong đó: vùng 1 công suất 14.400m^3/ngđ, vùng 2 - công suất 8.200m^3/ngđ, vùng 3 công suất 52.500m^3/ngđ, vùng 4 công suất 9.800m^3/ngđ.

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống hồ đập, gia cố 58 hồ đập địa phương còn lại đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ;

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%;

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ;

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp;

- Hoàn thiện nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ làm muối và khu nuôi trồng thủy sản tập trung;

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

- Huyện thuộc địa bàn quản lý và phục vụ của Đội PCCC & CHCN số 4 tại xã Quỳnh Giang. Quy hoạch bố trí thêm các đội PCCC tại các Khu công nghiệp xây dựng mới có quy mô lớn; Bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định hiện hành;

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông suối, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động giao thông thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm bến phục vụ PCCC cho các đô thị, khu công nghiệp.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí Trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy. Vị trí trụ nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định PCCC hiện hành.

6.6.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 186,95 MVA, đến năm 2050: 268,3 MVA.

- Nguồn điện chính được lấy từ trạm biến áp 110 KV Quỳnh Lưu (110/35/22KV - 2x40MVA) tại thị trấn Cầu Giát. Ngoài ra có các nguồn hỗ trợ từ trạm 110 KV Hoàng Mai (2x40MVA) và trạm 110 KV Diễn Châu (25+40MVA);

- Xây dựng trạm biến áp 110KV Quỳnh Lưu 2 (110/35/22KV - 2x40MVA) khu vực Bãi Ngang;

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại hồ Vực Mấu có công suất 200MW;

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại hồ Khe Gỗ có công suất 250MW;

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xã Tân Thắng có công suất 310MW;

- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu./.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, gồm: Thị trấn Cầu Giát, Đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Đô thị Tuần, Đô thị Tân Thắng, Đô thị Quỳnh Bảng, Đô thị Quỳnh Nghĩa.

6.6.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho thị trấn Cầu Giát, các đô thị quy hoạch mới; từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện;

- 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn huyện. CTR thông thường được xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn tại xã Ngọc Sơn quy mô 15ha, CTR y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom theo kênh riêng đến khu xử lý tập trung theo quy định;

- Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân bỏ dần hình thức hung táng, chuyển sang hình thức hỏa táng. Quy hoạch xây dựng Nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Ngọc Sơn, diện tích khoảng 30ha.

6.6.6. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An;

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Yêu cầu các dự án chi tiết, đặc biệt là các dự án công nghiệp khi triển khai phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc môi trường trong quá trình triển khai dự án;

- Nước thải, chất thải rắn từ các khu công nghiệp phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

- Quản lý tốt việc thu gom rác thải, tránh việc phát tán rác ra môi trường, có biện pháp hạn chế tối đa nước rỉ rác;

- Quản lý tốt hệ thống đường ống dẫn nước thải, tránh sự rò rỉ nước thải ra ngoài làm ô nhiễm môi trường;

- Sử dụng, khai thác các nguồn nước hợp lý, đảm bảo các quy định về môi trường trong khu vực bảo vệ nguồn nước;

- Khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và sử dụng năng lượng sạch; kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong vấn đề môi trường;

- Phải có các phương án đền bù, tái định cư hợp lý đối với các hộ dân trong diện di dời, giải tỏa. Có phương án chuyển đổi ngành nghề hợp lý cho các lao động bị thu hồi đất sản xuất;

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình, phải có phương án đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường;

- Nghiên cứu và triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai, lũ quét và sạt lở đất;

- Đối với vùng môi trường đặc trưng: Khu vực hồ đập Vực Mấu, đập Khe Lại, hồ Khe Gỗ (hồ 3/2).... và khu vực ven biển, khu vực sông Thái, sông Mai Giang, lạch Quèn, Lạch Thơi: Yêu cầu bảo vệ toàn vẹ hệ môi trường sinh thái hiện có, khai thác và bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường khu vực;

- Đối với các tuyến đường dây điện cao thế, trung thế: Từng bước cải tạo, chỉnh trang lưới điện theo quy hoạch, bố trí các tuyến hành lang kỹ thuật điện, xây dựng hàng rào các ly với tuyến hàng lang này;

- Có quy hoạch bảo vệ rừng, phát triển rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc để bảo vệ đất, tránh xói mòn sụt lở đất. Phát triển kinh tế rừng, đảm bảo một môi trường sinh thái bền vững, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu;

- Thực hiện chương trình giám sát, kiểm soát ô nhiễm tại các cụm công nghiệp, các làng nghề, các khu vực khai thác khoáng sản. Đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình khai thác tại các khu vực khai thác. Cập nhật thông tin đối với biến đổi môi trường, phát hiện ô nhiễm để giảm thiểu thấp nhất mức độ ảnh hưởng;

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại các khu vực, các điểm có khả năng xảy ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

Điều 2. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bản vẽ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy định quản lý theo đồ án được phê duyệt./.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu:

- Phối hợp với Sở xây dựng tổ chức công bố quy hoạch và quản lý quy hoạch theo quy định;

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt;

- Phối hợp với các Sở, Ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Các Sở, Ngành liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Lưu triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa thể thao, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Điện lực Nghệ An, Viễn thông Nghệ An; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Lưu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CB, CTT Nghệ An, Báo Nghệ An, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: các PVP, các phòng: CN, NN, KT, TH;
- Lưu: VTUB, CVCN (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Hoa

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: .1168./QĐ-UBND ngày 29. tháng .4.. năm 2022 của UBND tỉnh)

PHẦN 1
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công thực hiện

1.1. Quy định này quy định các công tác quản lý quy hoạch xây dựng, sử dụng đất, các yêu cầu quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022, làm cơ sở lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu chức năng, quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi huyện Quỳnh Lưu.

1.2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến những hoạt động trong phạm vi của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

2.1. Phạm vi ranh giới:

Bao gồm toàn bộ huyện Quỳnh Lưu (có 33 đơn vị hành chính bao gồm 32 xã và 1 thị trấn), có giới hạn như sau:

+ Phía Bắc giáp: Huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa và thị xã Hoàng Mai;

+ Phía Nam và Tây Nam giáp: Huyện Diễn Châu và huyện Yên Thành;

+ Phía Tây giáp: Huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ;

+ Phía Đông giáp: Biển Đông.

2.2. Quy mô:

2.2.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng huyện: 278.671 người (số liệu thu thập tại chi cục thống kê huyện năm 2020);

- Dự báo dân số đến năm 2030, khoảng: 306.000 người; đến năm 2050 khoảng: 368.000 người.

2.2.2. Quy mô đất đai: bao gồm diện tích tự nhiên huyện: 43.978 ha.

Điều 3. Quy định về các vùng phát triển & không gian phát triển kinh tế

3.1. Các vùng phát triển:

Quy hoạch định hướng phân thành 03 vùng phát triển không gian, theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của tỉnh Nghệ An, vừa khai thác hiệu quả các tiềm năng của địa bàn khu vực. Cụ thể:

a) Vùng phía Tây (vùng bán sơn địa):

- Gồm 07 xã: Tân Sơn, Quỳnh Tam, Quỳnh Châu, Quỳnh Thắng, Tân Thắng, Quỳnh Tân và Ngọc Sơn. Tổng diện tích 269,71km2.

- Chức năng: Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp phụ trợ, gắn một phần công nghiệp chế biến; cây ăn quả, công nghiệp, lập nghiệp, dược liệu; chăn nuôi gia súc (bò sữa, trâu, bò thịt, hươu nai, thủy sản nước ngọt); dịch vụ du lịch sinh thái các vùng hồ đập.

b) Vùng Trung tâm (vùng đồng bằng):

- Gồm thị trấn Cầu Giát và 16 xã: Quỳnh Hoa, Quỳnh Ngọc, Quỳnh Diễn, Quỳnh Hưng, Quỳnh Giang, Quỳnh Bá, Quỳnh Hồng, Quỳnh Hậu, An Hoà, Quỳnh Thạch, Quỳnh Đôi, Quỳnh Yên, Quỳnh Lâm, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Văn và Quỳnh Thanh. Tổng diện tích: 117,52km2.

- Chức năng: là vùng kinh tế tổng hợp, lấy đô thị trung tâm là thị trấn Cầu Giát, liên kết chặt chẽ và toàn diện với sự phát triển chung của vùng. Tập trung phát triển vùng theo hướng dịch vụ thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp.

c) Vùng Đông Nam (vùng ven biển):

- Gồm 09 xã: Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thuỷ, Sơn Hải, Quỳnh Thuận, Quỳnh Thọ và Quỳnh Long. Tổng diện tích: 53,46km2.

- Chức năng: kinh tế biển gắn với du lịch; nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản; công nghiệp chế biến (thủy sản), dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển rau màu.

3.2. Không gian phát các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

a) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Quy hoạch 04 khu công nghiệp với tổng diện tích 789,75ha, gồm:

+ Khu công nghiệp Tân Thắng tại xã Tân Thắng với quy mô 435ha gắn với Khu đô thị và công nghiệp Tân Thắng, phục vụ sản xuất hàng tiêu dùng.

+ Khu công nghiệp Diễn Quỳnh, tại xã Quỳnh Giang khoảng 130ha (trên tổng diện tích 650ha, đã tích hợp quy hoạch tỉnh), phục vụ công nghiệp nhẹ như chế tạo, sản xuất linh kiện ô tô,...

+ Khu công nghiệp Lạch Quèn tại xã Quỳnh Thuận quy mô 104,75 ha, phục vụ công nghiệp chế biến thủy sản và hậu cần nghề cá.

+ Khu công nghiệp Tây Bắc tại xã Tân Thắng 120ha (trên tổng diện tích 500ha), phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng.

- Quy hoạch 04 cụm công nghiệp với tổng diện tích 222ha, gồm:

+ Cụm công nghiệp Quỳnh Châu tại xã Quỳnh Châu, quy mô khoảng 70ha, phục vụ công nghiệp chế biến nông lâm sản;

+ Cụm công nghiệp Quỳnh Mỹ tại xã Quỳnh Mỹ, quy mô khoảng 68ha, phục vụ công nghiệp nhẹ như giày da;

+ Cụm công nghiệp sạch đô thị Cầu Giát mở rộng tại xã Quỳnh Ngọc và Quỳnh Yên, có quy mô khoảng 30ha, phục vụ công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng;

+ Cụm công nghiệp Quỳnh Thạch tại xã Quỳnh Thạch, quy mô khoảng 54ha, phục vụ công nghiệp nhẹ như may mặc, giày da,...

- Quy hoạch 03 cụm công nghiệp làng nghề, gồm:

+ Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Văn tại xã Quỳnh Văn, có quy mô 35ha, sản xuất vật liệu xây dựng và chế tạo cơ khí.

+ Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Nghĩa tại xã Quỳnh Nghĩa, có quy mô 25ha, phục vụ hậu cần nghề cá.

+ Cụm công nghiệp làng nghề Quỳnh Hoa tại xã Quỳnh Hoa, có quy mô 12ha, phục vụ công nghiệp nhẹ.

b) Phát triển nông - lâm nghiệp:

- Trồng trọt: Lúa trồng tập trung tại phân vùng trung tâm và một phần phân vùng phía Tây. Rau màu trồng tập trung chủ yếu tại các xã bãi ngang thuộc phân vùng phía Đông (Quỳnh Lương, Quỳnh Bảng, Quỳnh Minh...) và một số xã thuộc phân vùng miền Tây (Tân Sơn, Quỳnh Tam..). Cây công nghiệp, cây ăn quả trồng tập trung tại các xã phía Tây Bắc thuộc phân vùng phía Tây.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Tập trung tại các xã phía Tây Nam thuộc phân vùng phía Tây.

- Thủy sản: Khai thác, nuôi trồng thủy hải sản vùng nước mặn, nước lợ tập trung tại các xã ven biển; nuôi trồng thủy sản vùng nước ngọt tại các xã vùng phía Tây.

- Lâm nghiệp: Quy hoạch rừng phòng hộ tập trung dọc bờ sông, dọc bờ biển và vùng đồi núi phía Tây; rừng sản xuất tập trung chủ yếu tại các xã vùng phía Tây (vùng bán sơn địa).

c) Phát triển thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch các trung tâm thương mại tại vùng đô thị và khu đông dân cư có đầu mối chính tại 6 đô thị: thị trấn Cầu Giát, đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, đô thị Tuần, đô thị Tân Thắng, đô thị Quỳnh Bảng và đô thị Quỳnh Văn. Chức năng: là trung tâm phân phối hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện.

- Định hướng nâng cấp, mở rộng hệ thống các chợ hiện trạng; xây dựng mới chợ du lịch biển tại Quỳnh Nghĩa, chợ đầu mối thủy sản tại Quỳnh Thuận, chợ vùng tại xã Tân Thắng.

d) Phát triển du lịch: Gồm 03 loại hình du lịch: du lịch biển; du lịch văn hóa - lịch sử; du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng. Cụ thể:

- Du lịch biển: Khu du lịch biển Quỳnh (các xã ven biển), trung tâm là các xã Quỳnh Bảng, Quỳnh Nghĩa: diện tích: 698,54ha. Là khu du lịch nghỉ dưỡng, phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng,vui chơi, giải trí...

- Du lịch văn hóa - lịch sử: Phát triển trên cơ sở phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ, văn hóa tâm linh, tín ngưỡng..., bao gồm:

+ Điểm du lịch di tích khảo cổ Quỳnh Văn: nơi các thế hệ người Việt cổ từng sống, lao động và đấu tranh để xây dựng nên nước Âu Lạc.

+ Điểm du lịch văn hóa lịch sử, kiến trúc cổ: Đền thờ trạng nguyên Hồ Hưng Dật xã Ngọc Sơn (xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia năm 2014).

+ Điểm du lịch các di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng: cụm di tích Quỳnh Đôi có đến 9 di tích lịch sử đã được xếp hạng, trong đó có 8 di tích cấp quốc gia.

+ Điểm du lịch danh thắng, văn hóa tín ngưỡng, tâm linh: Đền thờ Hồ Xuân Hương, nhà thờ họ Hồ (Quỳnh Đôi), đền Quy Lĩnh (Quỳnh Lương), đền Thượng (Quỳnh Nghĩa), đền Cửa Gan (Quỳnh Hoa), đền Voi (Quỳnh Hồng), đền Cồng (Quỳnh Hưng), đền thờ trạng nguyên Hồ Hưng Dật ...

- Du lịch trải nghiệm gắn với danh thắng:

+ Khu du lịch hang Dơi ở Quỳnh Tam, diện tích khoảng 10ha. Là khu du lịch mang lại trải nghiệm thiên nhiên hoang dã.

+ Khu du lịch sinh thái hồ Vực Mấu, diện tích khoảng: 620ha (chia làm 3 khu vực bao quanh hồ Vực Mấu).

+ Quy hoạch Sân golf và Resort vị trí hồ An Ngãi (hồ Bà Tùy), xã Quỳnh Tân với quy mô 559,17ha (trong đó diện tích mặt nước khoảng 250ha).

+ Khu du lịch sinh thái hồ Khe Lại: diện tích khoảng 200ha, nằm bên hồ Khe Lại. Là khu du lịch nghỉ dưỡng, phục vụ trải nghiệm về nông nghiệp, các hoạt động đội nhóm.

+ Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Khe Gỗ (hồ 3/2): diện tích khoảng 402ha. (bao gồm khu vực hồ Khe Gỗ và 2 bên hồ thuộc 2 xã Tân Sơn và Quỳnh Tam). Là khu du lịch nghỉ dưỡng, mang lại trải nghiệm thiên nhiên hoang dã.

+ Phát triển du lịch "trang trại Edufarm" khai thác từ hệ thống giáo dục đổi mới gắn với các trang trại, sản xuất nông, thủy sản đặc trưng của huyện. Cụ thể: khu vực phía Tây và phía Đông của huyện.

e) Vùng bảo tồn sinh thái, di tích văn hóa lịch sử:

- Vùng bảo tồn sinh thái: Bảo vệ rừng phòng hộ ven biển; bảo vệ rừng tự nhiên, khu vực lòng hồ (Hồ Vực Mấu, Hồ Khe Lại, Hồ Khe Gỗ,...)

- Vùng bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử đã được công nhận và đã đưa vào danh mục kiểm kê, bảo tồn. (15 di tích Quốc gia, 18 di tích cấp tỉnh).

f) Vùng cấm xây dựng, hạn chế xây dựng:

Khu vực hành lang an toàn công trình thủy lợi như: Đê biển, đê sông, hệ thống hồ đập, hệ thống kênh tưới tiêu... hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, đường thủy; hành lang an toàn nguồn nước (Hồ Vực Mấu, Hồ Khe Lại).

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn:

4.1. Hệ thống đô thị:

Định hướng phát triển thành 02 giai đoạn.

- Giai đoạn 2021- 2030: Toàn huyện có 06 đô thị: Đô thị Cầu Giát (mở rộng phạm vi ranh giới đô thị thêm các xã: Quỳnh Hồng, Quỳnh Hậu và một phần xã Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng); đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa được hình thành từ đô thị Sơn Hải và các xã Quỳnh Thuận, Quỳnh Long, Tiến Thủy, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Minh; mở rộng đô thị Tuần và đô thị Quỳnh Bảng, hình thành đô thị Tân Thắng và đô thị Quỳnh Văn. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 42,90%.

- Giai đoạn 2030-2050: Toàn huyện có 06 đô thị: Cầu Giát, Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Bảng, Tuần, Tân Thắng và Quỳnh Văn. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 56,20%.

a) Đô thị Cầu Giát (đô thị loại IV): Có chức năng là thị trấn huyện lỵ - Trung tâm hành chính, văn hóa, khoa học kỹ thuật và dịch vụ công cộng của huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030, gồm Thị trấn Cầu Giát hiện nay (mở rộng phạm vi đô thị thêm các xã: Quỳnh Hồng, Quỳnh Hậu và một phần diện tích các xã: Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng); định hướng đến năm 2030: diện tích 1400,0ha; dân số khoảng 51.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng lấy toàn bộ ranh giới hành chính các xã: Quỳnh Bá, Quỳnh Hưng và một phần xã Quỳnh Hoa. Định hướng đến năm 2050: diện tích 2.316,0ha; dân số khoảng 80.000 người.

b) Đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa (đô thị loại IV): Là đô thị biển phía Đông Nam huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030, gồm đô thị Sơn Hải (mở rộng phạm vi ranh giới đô thị thêm các xã: Quỳnh Thuận, Quỳnh Long, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thủy, Quỳnh Minh. Định hướng đến năm 2030: diện tích 2.539,0ha; dân số khoảng 50.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2030-2050, phát triển lấp đầy, nâng cao tiêu chí đô thị loại IV. Định hướng đến năm 2050: diện tích 2.539,0ha; dân số khoảng 70.000 người.

c) Đô thị Quỳnh Bảng (đô thị loại V): Là đô thị biển phía Đông Bắc huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030, hình thành đô thị Quỳnh Bảng tại khu vực trung tâm xã Quỳnh Bảng. Định hướng đến năm 2030: diện tích 400,0ha; dân số khoảng 8.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng đất đô thị lên khoảng 600,0ha; dân số khoảng 15.000 người. Hoàn thiện và nâng cao tiêu chí đô thị loại V.

d) Đô thị Tuần (đô thị loại V): Là đô thị thương mại dịch vụ khu vực phía Tây huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030, hình thành đô thị Tuần trên cơ sở mở rộng quy hoạch đô thị đã được phê duyệt về phía Tây Bắc, dọc hai bên Quốc lộ 48, và đường tỉnh 538. Định hướng đến năm 2030. Diện tích 400,0ha; dân số khoảng 10.000 người. Phát triển thành đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, tiếp tục mở rộng đô thị, diện tích khoảng 600,0ha; dân số khoảng 16.000 người. Hoàn thiện và nâng cao đạt tiêu chí đô thị loại V.

e) Đô thị Tân Thắng (đô thị loại V): Là đô thị Công nghiệp - dịch vụ phía Tây Bắc huyện Quỳnh Lưu.

- Giai đoạn 2021-2030, hình thành đô thị Tân Thắng trên cơ sở phát triển không gian khu vực dọc hai bên tuyến Quốc lộ 48D và Đường tỉnh 538. Diện tích 400,0ha; dân số khoảng 4.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, mở rộng phát triển lấp đầy, nâng cao tiêu chí đô thị loại V. Diện tích 800,0ha; dân số khoảng 12.000 người.

f) Đô thị Quỳnh Văn (đô thị loại V): Là đô thị dự phòng phát triển trung tâm hành chính vùng Quỳnh Lưu - Hoàng Mai.

- Giai đoạn 2021-2030, hướng phát triển không gian dọc theo Quốc lộ 1A, Đường huyện 273B. Diện tích 400,0ha; dân số khoảng 7.000 người. Đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Giai đoạn 2030-2050, mở rộng phát triển lấp đầy, nâng cao tiêu chí đô thị loại V. Diện tích 550,0ha; dân số khoảng 13.000 người.

4.2. Các khu vực nông thôn:

a) Giai đoạn 2021 - 2030:

- Thực hiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới các đơn vị hành chính đã được sát nhập theo Nghị quyết số 831/NQ-UBTVQH14 ngày 17/12/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sáp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Nghệ An, một số xã sát nhập vào thị trấn, sau khi sát nhập tổng số xã dự kiến là 30 xã.

- Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư nông thôn hiện trạng, xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Quy hoạch xây dựng các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030 dân số nông thôn khoảng 175.000 người.

b) Giai đoạn 2030-2050:

- Thực hiện việc sát nhập các xã theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành

chính và phân loại đơn vị hành chính, một số xã sát nhập vào thị trấn, tổng số xã dự kiến sau khi sát nhập là 28 xã. Xây dựng huyện nông thôn kiểu mẫu theo hướng phát triển nông nghiệp, công nghiệp công nghệ cao và du lịch dịch vụ.

- Xây dựng và phát triển các khu dân cư mới theo quy hoạch nông thôn mới được duyệt và các khu dân cư kiểu mẫu phục vụ xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên toàn huyện. Đến năm 2050 dân số nông thôn khoảng 161.000 người.

4.3. Các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng:

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-30 ha, quy mô dân số từ 5.000 - 7.000 người. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã (60x90m)...được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kinh phục vụ trong khoảng 2km.

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, quy hoạch đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội v.v.

- Đối với cảnh quan làng, khu dân cư: cải tạo chỉnh trang các thôn, xóm trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch. Mô hình đô thị trang trại tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

Điều 5: Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng.

5.1. Hệ thống trung tâm Hành chính chính trị:

Từng bước chuyển khu trung tâm hành chính - chính trị huyện về khu vực phía Đông Bắc thị trấn mở rộng. Bố trí quỹ đất khoảng 50 ha, đáp ứng được trung tâm đô thị loại III trong tương lai, tại vị trí phía Đông thị trấn mở rộng. Với các công trình cấp vùng: Trung tâm HC-CT, TT Văn hóa thể dục thể thao, Quảng trường, công viên...

5.2. Hệ thống công trình giáo dục: Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô các cơ sở giáo dục ở các đô thị: Thị trấn Cầu Giát (đô thị loại IV), đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa (đô thị loại IV), đô thị Tuần, đô thị Tân Thắng, đô thị Quỳnh Bảng, đô thị Quỳnh Văn (đô thị loại V) theo định hướng có nhiều cấp học.

- Giai đoạn 2021-2030: Dự báo dân số 306.000 người. Dự kiến có 106 cơ sở giáo dục, trong đó có 02 trường trung cấp nghề; 07 trường THPT; 24 trường

THCS; 08 trường tiểu học và THCS , 31 trường tiểu học và 35 trường Mầm non. Mở thêm trường giáo dục hòa nhập tại thị trấn Cầu Giát.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 368.000 người. Dự kiến có 107 cơ sở giáo dục, trong đó có 02 trường trung cấp nghề; 08 trường THPT; 24 trường THCS; 08 trường tiểu học và THCS, 31 trường tiểu học và 35 trường Mầm non. Phát triển trường THCS Hồ Xuân Hương thành trường trọng điểm chất lượng cao của tỉnh. Mở mới trường giáo dục phổ thông tại vùng Tân Thắng. Nâng cấp mở rộng trường Trung cấp Nghề tại xã Quỳnh Hoa theo hướng ưu tiên đào tạo các ngành nghề phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện, tỉnh khu vực miền trung.

5.3. Hệ thống công trình y tế: Khuyến khích phát triển xã hội hóa Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, phòng khám tư nhân tại các đô thị: thị trấn Cầu Giát, đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, đô thị Tuần và đô thị Tân Thắng. Cải tạo, nâng cấp hệ thống các trạm y tế 33/33 xã, thị trấn, kiên cố 2 tầng, hạ tầng y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong huyện. Phát triển bệnh viện công lập và các cơ sở y tế khác (như trạm xá, phòng khám, hiệu thuốc...). Cụ thể:

- Giai đoạn 2021-2030: Dự báo dân số 306.000 người; Tổng số giường bệnh 1200 giường bệnh. Tiêu chí 100% xã, thị trấn đạt tiêu chí Quốc gia về y tế với 100% người dân tham gia bảo hiểm Y tế. Nâng cấp, bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II, quy mô 450 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp: Bệnh viện đa khoa Quang Thành, tại xã Quỳnh Hồng đạt chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 200 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp: Bệnh viện đa khoa Minh An (tại xã Quỳnh Giang) đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 250 giường bệnh. Quy hoạch thêm bệnh viện vùng Tân Thắng, quy mô 150 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Quy hoạch bệnh viện xã hội hóa tại xã Quỳnh Minh, quy mô 400 giường, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. Quy hoạch bệnh viện dưỡng lão vùng ven biển.

- Giai đoạn 2030-2050: Dự báo dân số 368.000 người; Tổng số giường bệnh 1500 giường bệnh. Nâng cấp: Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II, quy mô 550 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp: Bệnh viện đa khoa Quang Thành (tại xã Quỳnh Hồng) đạt chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 300 giường bệnh. Mở rộng, nâng cấp: Bệnh viện đa khoa Minh An (tại xã Quỳnh Giang) đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 250 giường bệnh. Nâng cấp bệnh viện vùng Tân Thắng đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III, quy mô 200 giường bệnh. Nâng cấp bệnh viện vùng Quỳnh Minh, quy mô 550 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II. Quy hoạch bệnh viện đa khoa, quy mô 200 gường bệnh, tại đô thị Tuần, Nâng cấp bệnh viện dưỡng lão vùng ven biển.

5.4. Hệ thống công trình văn hóa - thể dục thể thao:

- Công trình văn hóa: xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; xây dựng 100% công trình trụ sở, nhà văn hóa xã đạt tiêu chuẩn.

+ Thị trấn Cầu Giát: xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện, quy mô

1,5ha: gồm nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện.

+ Trung tâm văn hóa khu vực tại: Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Tuần, Tân Thắng, Quỳnh Bảng. Quy mô đạt tối thiểu 1,0ha/trung tâm.

- 100% các xã có khu văn hóa - thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Trung tâm thể dục thể thao (TDTT):

+ Trung tâm TDTT cấp huyện: 01 trung tâm tại thị trấn Cầu Giát gồm sân vận động, nhà tập luyện và thi đấu, bể bơi, sân tập bóng chuyền, cầu lông, sới vật... tổng diện tích khoảng 5ha.

+ Trung tâm TDTT cấp khu vực, đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Tuần; Tân Thắng: sân thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, cung văn hóa, nhà thiếu nhi, quy mô 4ha/trung tâm.

+ Trung tâm TDTT cấp xã: 100% các xã và thị trấn đã có sân thể thao, cải tạo và nâng cấp các khu trung tâm TDTT hiện hữu đạt chuẩn nông thôn mới. Mỗi trung tâm TDTT gồm 1 sân thể thao phổ thông 5000-8000m2, nhà luyện tập thi đấu kết hợp nhà văn hóa diện tích 200-300m2, 3-5 sân tập thể thao.

Điều 6. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật

6.1. Giao thông

a) Giao thông đường bộ:

- Đường bộ cao tốc Bắc Nam: Chiều dài qua địa bàn huyện 14,30km, quy mô mặt cắt ngang đường gồm 06 làn xe, lộ giới bao gồm cả hành lang an toàn đường bộ rộng trung bình 100,0m.

- Quốc lộ: Trên địa bàn huyện gồm 05 tuyến Quốc lộ, tổng chiều dài 72,40km, quy mô quy hoạch cụ thể như sau:

+ Quốc lộ 1: Dài 12,4km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48: Dài 8,5km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48B: Dài 25,0km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe, mở rộng đoạn Tuần đến Quốc lộ 1, dài khoảng 5,0km, 04 làn xe.

+ Quốc lộ 48D: Dài 8,9km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe;

+ Quốc lộ 48E: Dài 17,6km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 04 làn xe.

- Đường bộ ven biển: Đài 16,5km, quy mô quy hoạch đường cấp III đồng bằng, 02 làn xe;

- Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện gồm 04 tuyến Đường tỉnh, tổng chiều dài 70,21km, quy mô quy hoạch cụ thể như sau:

+ Đường tỉnh 537B: Dài 14,6km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe

+ Đường tỉnh 537D: Dài 23,96km, quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe

+ Đường tỉnh 538: Dài 29,15km, quy mô quy hoạch đường cấp III,02 làn xe

+ Đường tỉnh538C: Dài 2,50km (tổng chiều dài tuyến 21,0km), quy mô quy hoạch đường cấp III, 02 làn xe./.

- Đường huyện và trục chính khu vực:

+ Đường huyện: Quy hoạch 28 tuyến với quy mô đường cấp IV, cấp V, đảm bảo kết nối các khu vực chức năng trong huyện và hệ thống Đường tỉnh, Quốc lộ.

+ Đường chính khu vực đô thị và khu vực du lịch: kết nối khu vực thị trấn Quỳnh Lưu, khu vực đô thị và khu vực du lịch với các hệ thống giao thông chính của huyện, bề rộng mặt cắt ngang đường từ 29,0 - 60,0m.

Bảng tổng hợp quy hoạch giao thông đường bộ

TT	Tên đường	Giai đoạn 2021-2030			Giai đoạn 2030 - 2050		
		Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (cấp đường)	Chiều dài dự kiến (km)	Quy mô (làn xe)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(cấp đường)
I	**Đường bộ cao tốc**	**14,36**	**04**	**II**	**14,36**	**I**	**06**
II	**Quốc lộ**	**72,40**			**72,40**		
2.1	QL1	12,40	04	III	12,40	04	III
2.2	QL48	8,50	02	III	8,50	04	III
2.3	QL48B	25,00	02	III	25,00	02	III
	Đoạn QL1-Tuần	5,00	04	III	5,00	04	III
2.4	QL48D	8,90	02	III	8,90	04	III
2.5	QL48E	17,60	02	IV	17,60	04	III
III	**Đường bộ ven biển**	16,50	02	III	16,50	02	III
IV	**Đường tỉnh**	**58.75**			**58,75**		
4.1	ĐT537B	14,60	02	IV	14,60	02	III
4.2	ĐT537D	12,50	02	IV	12,50	02	III
4.3	ĐT538	29,15	02	IV	29,15	02	III
4.4	ĐT538C	2,50	02	IV	2,50	02	III
V	**Đường huyện**	**201,13**			**253,96**		
5.1	ĐH.270	6,10	02	V	6,10	02	V
5.2	ĐH.270B				5,50	02	V
5.3	ĐH.271	7,23	02	V	7,23	02	V
5.4	ĐH.271B	16,90	02	V	16,90	02	IV
5.5	ĐH.272	23,00	02	V	23,00	02	IV
5.6	ĐH.273	23,67	02	V	23,67	02	IV
5.7	ĐH.274	9,10	02	V	9,10	02	IV

5.8	ĐH.273B	15,40	02	IV	15,40	02	III
5.9	ĐH.275	9,00	02	IV	9,00	02	IV
5.10	ĐH.276	3,50	02	V	3,50	02	IV
5.11	ĐH.277	11,00	02	V	11,00	02	IV
5.12	ĐH.278	7,81	02	IV	7,81	02	IV
5.13	ĐH.280				4,60	02	IV
5.14	ĐH.281	12,00	02	V	8,10	02	IV
5.15	ĐH.283				19,60	02	V
5.16	ĐH.284	6,20	02	V	6,20	02	IV
5.17	ĐH.285	15,60	02	V	15,60	02	IV
5.18	ĐH.286				13,50	02	IV
5.19	ĐH.01	15,10	04	II	15,10	60m (46m)	
5.20	ĐH.02	11,18	02	IV	11,18	02	III
5.21	ĐH.03	12,34	02	IV	12,34	04	III
5.22	ĐH.04				3,60	02	V
5.23	ĐH.05				2,50	02	V
5.24	ĐH.06				2,80	02	V
5.25	ĐH.07				3,20	02	V
5.26	ĐH.08				2,20	02	V
5.27	ĐH.09				5,20	02	V
5.28	ĐH.10				5,00	02	V

b) Giao thông đường thủy:

- Kênh Nhà Lê (sông Mơ, sông Hàu): Đoạn qua địa bàn huyện dài 25,0km, quy hoạch tuyến đường sông tiêu chuẩn cấp V.

- Sông Thái: Quy hoạch tuyến đường sông tiêu chuẩn cấp V.

- Cảng: Gồm cảng tổng hợp Lạch Quèn, quy mô loại I, kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão, quy mô neo đậu 1000 chiếc/loại tàu lớn nhất 1000CV và Cảng tổng hợp Lạch Thơi, quy mô neo đậu 350 chiếc/loại tàu lớn nhất 500CV.

c) Giao thông đường sắt:

- Đường sắt tốc độ cao: Theo quy hoạch quốc gia.

- Đường sắt Bắc - Nam: Đoạn chạy qua địa bàn huyện dài khoảng 12,65km, Di tu, bảo dưỡng, hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trên toàn tuyến.

- Đường Sắt Cầu Giát - Thái Hòa: Đoạn chạy qua địa bàn huyện dài khoảng 14,0km, tiếp tục duy tu bảo dưỡng.

d) Bến xe cấp huyện: quy hoạch 05 bến xe, cụ thể như sau.

- Bến xe thị trấn Cầu Giát tại Km403+600 QL1A, xã Quỳnh Hồng: Tiêu chuẩn bến xe loại 1;

- Bến xe Tân Thắng: Tiêu chuẩn bến xe loại 1;

- Bến xe Sơn Hải: Tiêu chuẩn bến xe loại 1;

- Bến xe Quỳnh Bảng: Tiêu chuẩn bến xe loại 2;

- Bến xe Tuần: Tiêu chuẩn bến xe loại 2.

6.2. Hệ thống San nền, thoát nước:

a) Nền xây dựng: Căn cứ các hồ sơ quy hoạch trên địa bàn huyện đã phê duyệt, tài liệu điều tra khảo sát địa hình, thủy văn để lựa chọn cao độ nền đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật hiện hành, cụ thể như sau:

- Đô thị Cầu Giát: Cao độ san nền từ + 2.70m ÷ +3.80m;

- Đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa: Cao độ san nền từ + 2.50m ÷ +4,80m;

- Đô thị Quỳnh Bảng: Cao độ san nền từ + 2.50m ÷ +4.50m;

- Đô thị Quỳnh Văn: Cao độ san nền từ + 3,10m ÷ +4.50m;

- Đô thị Tuần: Cao độ san nền từ + 5.70m ÷ +75.0m;

- Đô thị Tân Thắng:

+ Phía Tây Bắc khu quy hoạch đô thị (có đập Khe Lại), cao độ san nền từ: + 35.80m ÷ +63.0m;

+ Khu trung tâm đô thị, cao độ san nền từ + 23.50m ÷ +53.0m;

+ Khu vực hạ lưu hồ Vực Mấu, cao độ san nền từ + 5.50m ÷ +12.3m;

- Các khu vực khác ngoài đô thị: Cao độ nền xây dựng phù hợp cao độ nền hiện trạng và đảm bảo nền ổn định, không bị ngập lũ, tránh đào sâu, đắp cao.

b) Thoát nước mưa: Dựa vào địa hình, các trục tiêu và hướng tiêu nước chính chia huyện Quỳnh Lưu thành 3 lưu vực:

- Lưu vực 1: Phía Đông huyện, bao gồm Thị trấn Cầu Giát, đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, 21 xã ven biển và vùng đồng bằng: Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Thọ, Quỳnh Thạch, Quỳnh Văn, Quỳnh Hoa, Quỳnh Mỹ, Quỳnh Thanh,... diện tích khoảng 18.823,0ha.

Nước mặt chảy về hệ thống kênh tiêu khu vực, gồm 05 tuyến chính: kênh tiêu Tố Khê, kênh tiêu Cầu Báng, kênh tiêu Bình Sơn, kênh tiêu Bến Hải - Phù Sỹ - Nguyễn Văn Trỗi, kênh tiêu Cù Chính Lan. đổ về sông Thái, kênh Nhà Lê (sông Mơ, sông Hàu), đổ ra biển.

- Lưu vực 2: Phía Tây Bắc huyện, bao gồm 03 xã Tân Thắng, Quỳnh Thắng, Quỳnh Tân, và một phần xã Quỳnh Châu. Diện tích lưu vực S = 183.304,0ha.

Nước mặt chảy về các khe suối địa hình chính, như: khe Lại, suối Cái, và đổ Hồ Vực Mấu, ra sông Hoàng Mai, ra biển.

- Lưu vực 3: Phía Tây Nam của huyện, bao gồm 02 xã Tân Sơn, Quỳnh Tam, một phần xã Quỳnh Châu; Diện tích lưu vực S = 6.896,0ha

Nước mặt chảy về các khe suối địa hình chính, như: khe Gỗ, khe Dẻ Vàng.

6.3. Hệ thống cấp nước:

a) Cấp nước

- Phân vùng cấp nước (gồm 04 vùng):

+ Vùng cấp nước 1 (trung tâm): Cấp nước cho thị trấn Cầu Giát và 09 xã Quỳnh Bá, Quỳnh Hồng, Quỳnh Giang, Quỳnh Hưng, Quỳnh Thọ, Quỳnh Diễn, Quỳnh Lâm, Quỳnh Mỹ và Ngọc Sơn. Nguồn nước Sông Đào thông qua hệ thống Kênh Vách Bắc, giải pháp là mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát đồng thời hòa mạng Nhà máy nước Quỳnh Lâm và Quỳnh Thọ;

+ Vùng cấp nước 2 (phía Bắc): Cấp nước cho 04 xã Quỳnh Thạch, Quỳnh Hoa, Quỳnh Văn và Quỳnh Tân. Nguồn nước Sông Đào thông qua hệ thống Nông Giang, giải pháp là việc mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Quỳnh Thạch;

+ Vùng cấp nước 3 (phía Đông và Tây Bắc): Cấp nước cho 16 xã Quỳnh Bảng, Quỳnh Lương, Quỳnh Minh, Quỳnh Nghĩa, Tiến Thủy, Quỳnh Thanh, Quỳnh Hậu, Quỳnh Đôi, Quỳnh Yên, Quỳnh Ngọc, An Hòa, Sơn Hải, Quỳnh Thuận, Quỳnh Long, Quỳnh Thắng và Tân Thắng. Nguồn nước hồ Vực Mấu, nhà máy nước Hoàng Mai cấp nước cho thị xã Hoàng Mai và vùng này, đồng thời hòa mạng các Nhà máy nước Quỳnh Thanh, Quỳnh Yên và Quỳnh Đôi;

+ Vùng cấp nước 4 (phía Tây Nam): Cấp nước cho 03 xã Tân Sơn, Quỳnh Châu và Quỳnh Tam. Nguồn nước từ hồ Khe Gỗ; xây dựng mới Nhà máy nước Tân Sơn.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

+ Năm 2030: Khu vực đô thị là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; Khu vực nông thôn là 90l/ng.ngđ, tỷ lệ 95%, công nghiệp là 25m3/ha.ngđ;

+ Năm 2050: Khu vực đô thị là 120l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%; Khu vực nông thôn là 100l/ng.ngđ, tỷ lệ 100%, công nghiệp là 30m^3/ha.ngđ;

- Công suất cấp nước:

+ Năm 2030: Khoảng 48.000m^3/ngđ,trong đó vùng 1 công suất 11.700m^3/ngđ, vùng 2 - công suất 6.200m3/ngđ, vùng 3 công suất 24.100m3/ngđ, vùng 4 công suất 6.200m3/ngđ);

+ Năm 2050: khoảng 85.000m^3/ngđ, trong đó: vùng 1 công suất 14.400m^3/ngđ, vùng 2 - công suất 8.200m^3/ngđ, vùng 3 công suất 52.500m^3/ngđ, vùng 4 công suất 9.800m^3/ngđ.

b) Hạ tầng kỹ thuật thủy lợi:

- Đảm bảo an toàn hệ thống hồ đập, gia cố 58 hồ đập địa phương còn lại đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ;

- Tăng tỷ lệ kiên cố hóa kênh cấp 3 phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt 70%;

- Hoàn thiện và xây dựng thêm một số hồ chứa nước để phục vụ sản xuất cho các xã vùng bán sơn địa, nâng cấp một số hồ có thể tăng được dung tích trữ;

- Bổ sung một số trạm bơm ở các điểm phù hợp để tăng tỷ lệ tưới tiêu chủ động trong sản xuất nông nghiệp;

- Hoàn thiện nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ làm muối và khu nuôi trồng thủy sản tập trung;

c) Hạ tầng phòng cháy và chữa cháy:

- Huyện thuộc địa bàn quản lý và phục vụ của Đội PCCC & CHCN số 4 tại xã Quỳnh Giang. Quy hoạch bố trí thêm các đội PCCC tại các Khu công nghiệp xây dựng mới có quy mô lớn; bố trí các công trình hạ tầng PCCC trong các đô thị theo các quy định hiện hành;

- Bố trí các bến nước phòng cháy chữa cháy tại sông suối, hồ đập đáp ứng trữ lượng nước và có vị trí bám các trục Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đảm bảo cho xe phòng cháy chữa cháy hoạt động giao thông thuận lợi, đồng thời phân bố các điểm bến phục vụ PCCC cho các đô thị, khu công nghiệp.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt phải bố trí Trụ nước, đường ống, máy bơm và dung tích nước chữa cháy. Vị trí trụ nước chữa cháy đảm bảo theo các quy định PCCC hiện hành.

6.3. Hệ thống cấp điện:

- Tổng nhu cầu dùng đến năm 2030: 186,95 MVA, đến năm 2050: 268,3 MVA.

- Nguồn điện chính được lấy từ trạm biến áp 110 KV Quỳnh Lưu (110/35/22KV - 2x40MVA) tại thị trấn Cầu Giát. Ngoài ra có các nguồn hỗ trợ từ trạm 110 KV Hoàng Mai (2x40MVA) và trạm 110 KV Diễn Châu (25+40MVA);

- Xây dựng trạm biến áp 110KV Quỳnh Lưu 2 (110/35/22KV - 2x40MVA) khu vực Bãi Ngang;

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại hồ Vực Mấu có công suất 200MW;

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại hồ Khe Gỗ có công suất 250MW;

- Nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xã Tân Thắng có công suất 310MW;

- Nâng cấp đường dây 35KV, 22KV hoàn thiện cải tạo trạm biến áp các xã, thị trấn. Nâng cấp đường dây lưới điện nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị, gồm: Thị trấn Cầu Giát, Đô thị Sơn Hải - Quỳnh Nghĩa, Đô thị Tuần, Đô thị Tân Thắng, Đô thị Quỳnh Bảng, Đô thị Quỳnh Nghĩa.

6.4. Hệ thống xử lý nước thải rắn và nghĩa trang:

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho thị trấn Cầu Giát, các đô thị quy hoạch mới; Từng bước đầu tư hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải chung với nước mưa cho khu vực nông thôn. Xây dựng mới hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng trong các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch và bệnh viện.

- 100% chất thải rắn (CTR) được thu gom, phân loại tại nguồn, trên phạm vi toàn huyện. CTR thông thường được xử lý tại Khu xử lý chất thải rắn tại xã Ngọc Sơn quy mô 15ha, CTR y tế được xử lý bằng lò đốt tại bệnh viện, CTR nguy hại được thu gom và vận chuyển đi xử lý triệt để. Chất thải rắn công nghiệp phải được thu gom theo kênh riêng đến khu xử lý tập trung theo quy định.

- Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động mai táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích nhân dân bỏ dần hình thức hung táng, chuyển sang hình thức hỏa táng. Quy hoạch xây dựng Nghĩa trang tập trung của huyện tại xã Ngọc Sơn, diện tích khoảng 30ha.

6.5. Định hướng hạ tầng thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

- Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, phát triển mạng lưới cáp quang trong toàn huyện. Đảm bảo được các nhu cầu về sử dụng thông tin liên lạc theo từng khu vực, theo từng giai đoạn đáp ứng các yêu cầu phát triển với tốc độ cao của công nghệ thông tin.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông khu vực theo lộ trình nâng cấp các tuyến đường giao thông của tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An.

- Tiếp tục phát triển thuê bao; nâng cấp các điểm chuyển mạch tại các đô thị; xây dựng hệ thống cáp quang và các điểm truy cập mới tại các khu công nghiệp, các khu đô thị mới.

6.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Yêu cầu các dự án chi tiết, đặc biệt là các dự án công nghiệp khi triển khai phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc môi trường trong quá trình triển khai dự án.

- Nước thải, chất thải rắn từ các khu công nghiệp phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Quản lý tốt việc thu gom rác thải, tránh việc phát tán rác ra môi trường, có biện pháp hạn chế tối đa nước rỉ rác.

- Quản lý tốt hệ thống đường ống dẫn nước thải, tránh sự rò rỉ nước thải ra ngoài làm ô nhiễm môi trường.

- Sử dụng, khai thác các nguồn nước hợp lý, đảm bảo các quy định về môi trường trong khu vực bảo vệ nguồn nước.

- Khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông công cộng và sử dụng năng lượng sạch; kiểm soát việc sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp; tăng cường nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong vấn đề môi trường.

- Phải có các phương án đền bù, tái định cư hợp lý đối với các hộ dân trong

diện di dời, giải tỏa. Có phương án chuyển đổi ngành nghề hợp lý cho các lao động bị thu hồi đất sản xuất.

- Trong quá trình thi công xây dựng các công trình, phải có phương án đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

- Nghiên cứu và triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai, lũ quét và sạt lở đất.

- Đối với vùng môi trường đặc trưng: khu vực hồ đập Vực Mấu, đập Khe Lại, hồ Khe Gỗ (hồ 3/2).... và khu vực ven biển, khu vực sông Thái, sông Mai Giang, lạch Quèn, Lạch Thơi: yêu cầu bảo vệ toàn vệ hệ môi trường sinh thái hiện có, khai thác và bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

- Đối với các tuyến đường dây điện cao thế, trung thế: từng bước cải tạo, chỉnh trang lưới điện theo quy hoạch, bố trí các tuyến hành lang kỹ thuật điện, xây dựng hàng rào các ly với tuyến hàng lang này.

- Có quy hoạch bảo vệ rừng, phát triển rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc để bảo vệ đất, tránh xói mòn sụt lở đất. Phát triển kinh tế rừng, đảm bảo một môi trường sinh thái bền vững, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

- Thực hiện chương trình giám sát, kiểm soát ô nhiễm tại các cụm công nghiệp, các làng nghề, các khu vực khai thác khoáng sản. Đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình khai thác tại các khu vực khai thác. Cập nhật thông tin đối với biến đổi môi trường, phát hiện ô nhiễm để giảm thiểu thấp nhất mức độ ảnh hưởng.

- Xây dựng hệ thống quan trắc và giám sát định kỳ về môi trường đất, nước, địa chất, không khí, tiếng ồn, rác thải, biến động hệ sinh thái tại các khu vực, các điểm có khả năng xảy ra sự cố môi trường, các khu vực nhạy cảm về môi trường.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

7.1. Phạm vi bảo vệ các công trình giao thông

+ Đối với đường ngoài đô thị: Đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ.

+ Đối với đường đô thị: Tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

7.2. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối

7.2.1. Các yêu cầu bảo vệ nguồn nước

Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của chính phủ;

a) Các khu vực bảo vệ:

+ Khu vực I: Cấm xây dựng bất kỳ loại công trình nào cho người ở, kể cả công nhân quản lý; cấm xả nước thải, tắm giặt, bắt cá, chăn thả trâu bò; cấm sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và các loại phân khoáng để bón cây, quanh khu vực lấy nước.

+ Khu vực II: Nhà máy, nhà ở, khu dân cư phải được xây dựng hoàn thiện (có hệ thống cấp nước, thoát nước bẩn và nước mưa...) để bảo vệ đất và nguồn nước khỏi bị ô nhiễm; nước thải sản xuất và sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước phải được làm sạch đảm bảo yêu cầu vệ sinh; cấm đổ phân, rác, phế thải công nghiệp, hóa chất độc làm nhiễm bẩn nguồn nước và ô nhiễm môi trường.

b) Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước mặt:

+ Khu vực bảo vệ cấp I cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 200m, phía hạ lưu tối thiểu 100 m;

+ Khu vực bảo vệ cấp II cách công trình thu về phía thượng lưu tối thiểu 1000m, cách công trình thu về phía hạ lưu tối thiểu 300m.

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ công trình khai thác nước sinh hoạt tập trung đến nghĩa trang hung táng là 5.000m, đến nghĩa trang cát táng là 3.000 m.

- Khoảng cách ATVSMT nhỏ nhất từ mép nước gần nhất của các thủy vực lớn là 500m đối với nghĩa trang hung táng; là 100m đối với nghĩa trang cát táng.

c) Quy định về vùng bảo vệ vệ sinh nguồn nước ngầm

Khu vực bảo vệ cấp I có bán kính bảo vệ giếng khoan tối thiểu 30m: khu vực bảo vệ cấp II có bán kính bảo vệ giếng khoan tối thiểu 300m.

- Các trạm xử lý nước thải cách phải cách công trình lấy nước ngầm ít nhất 300m.

d) Quy định về vùng bảo vệ nhà máy nước

Phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước phân phối chính tối thiểu là 0,5m.

e) Quy định về khoảng cách ly môi trường tối thiểu

- Đối với trạm bơm: 15 - 30m.

- Đối với trạm xử lý nước thải: 100 - 1000m.

- Trong phạm vi cách ly môi trường, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

7.2.2. Quản lý hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo

Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải đi ngầm; lưới điện cao áp 110 kV và 220kV đi trong nội thị của các đô thị từ loại II đến loại đặc biệt phải đi ngầm.

- Quy định về khoảng cách an toàn tối thiểu từ công trình xây dựng khác đến: Trạm biến áp đến 35KV là 3,0m; trạm biến áp đến 66,110KV là 4,0m; Trạm biến áp đến 220KV là 6,0m.

7.3. Quy định về quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang:

7.3.1. Quản lý chất thải rắn:

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại.

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu:

+ Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh ^{3}1000m; Bãi chôn lấp vô cơ ^{3} 100m; Nhà máy xử lý CTR ^{3} 500m; Điểm, trạm trung chuyển CTR ^{3} 25m

+ Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường cần quản lý chặt chẽ, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

7.3.2 Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hung táng, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy.

- Khoảng cách ly vệ sinh môi trường đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, cụ thể:

+ Đối với nghĩa trang có hung táng: tối thiểu là 1500m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng; tối thiểu là 500m nếu có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng.

+ Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần: tối thiểu là 500m.

+ Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100m.

+ Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500m tính từ ống khói lò hỏa táng.

Trường hợp do điều kiện đất đai hạn chế phải có biện pháp kỹ thuật, môi trường để giảm khoảng cách ly vệ sinh môi trường nhưng phải được cơ quan quản lý môi trường thẩm định, chấp thuận.

- Quy định về nhà tang lễ: Khoảng cách ly tối thiểu đến công trình nhà ở là 100m; đến chợ, trường học là 200m.

7.4. Công trình ngầm:

7.4.1. Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm:

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Cải tạo hạ ngầm tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi. Từng bước xây dựng hệ thống tuynel, hào, cống bể cáp trong ranh giới quy hoạch.

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

7.4.2. Quy định về hệ thống tuynel, cống, bể cáp:

- Các tuynel chính cấp vùng: Chứa các đường ống có kích thước lớn, đường điện cao thế, đường ống cấp nước, viễn thông phải đảm bảo kích thước cho con người hoặc máy móc đi lại vận hành và sửa chữa.

- Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực, các tuyến cống bể cáp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

7.5. Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

7.6. Quy định về quản lý môi trường:

Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn,vv...

Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung ...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các

yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

8.1. Định hướng phát triển:

Địa hình, cảnh quan (bao gồm không gian, độ cao, cơ sở hạ tầng, kiểu thức kiến trúc, sắc thái, bố cục, màu sắc và những không gian trống): phải được bảo tồn theo các yếu tố gốc của di tích, danh thắng. Việc quản lý, chăm sóc, bảo vệ, phát triển, sử dụng di tích, thắng cảnh phải tuân thủ nghiêm ngặt Luật Di sản văn hóa, Luật bảo vệ và phát triển rừng, Luật bảo vệ môi trường, các quy định về quản lý đô thị, các quy định pháp luật khác có liên quan và theo Quy định này.

8.2. Về tổ chức không gian:

a) Quản lý chặt chẽ việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng.

b) Khu vực bảo vệ di tích: Thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

8.3. Về kiến trúc:

a) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng: Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, đảm bảo thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh tại Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa - Thông tin. Mọi hoạt động kinh doanh trong các khu bảo vệ di tích (đặc biệt là trong phạm vi khu vực bảo vệ I) phải đảm bảo mỹ quan và được cơ quan thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh mới được tiến hành.

b) Nghiêm cấm xây dựng các công trình xây chen, các công trình tạm, công trình, tranh tre, nứa lá, nhà ở, hàng quán tạm bợ trong khu vực quy hoạch công trình di tích lịch sử-văn hóa, danh lam - thắng cảnh.

8.4. Về cảnh quan:

Tổ chức cảnh quan xung quanh các di tích sao cho hài hòa và tôn tạo được các giá trị của di tích, tạo được cảnh quan thích hợp với các hoạt động của người thăm quan di tích.

8.5. Quản lý và cấp phép xây dựng:

a) Khu vực bảo vệ I: Không xây dựng các công trình kiến trúc mới. Ngoài việc tu bổ các công trình di tích đã bị xuống cấp, chỉ xây dựng bia biển chỉ dẫn, giới thiệu di tích. Các hạng mục này không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc của di tích, đảm bảo mỹ quan và được bố trí hợp lý. Đối với các công trình quan

trọng trong các khu vực bảo vệ di tích, danh lam thắng cảnh, UBND huyện cần tổ chức hội nghị tư vấn, phản biện khi xem xét để quyết định cho phá dỡ, xây dựng mới, sửa chữa, tu bổ. Đối với các hạng mục công trình trong di tích đã bị phá hủy hoàn toàn nhưng có giá trị về mặt lịch sử-văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và có đầy đủ tư liệu khoa học thì có thể được phục hồi hoặc tiến hành bảo tồn khảo cổ, kết hợp trồng cây xanh tạo hình nền để thấy được vị trí, quy mô công trình, cũng như quy mô tổng thể.

b) Khu vực bảo vệ II: Xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc phát huy giá trị của di tích (khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, phát triển du lịch, nghiên cứu, giáo dục, đào tạo ...) với hình thức kiến trúc và vật liệu xây dựng phù hợp, hài hòa với di tích, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến di tích gốc. Hạn chế xây dựng công trình cao tầng xung quanh khu vực bảo vệ I.

Điều 9. Phân công và quy định trách nhiệm

9.1. Các cơ quan có trách nhiệm theo quy định cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký quyết định phê duyệt.

9.2. Trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch, nhà, đất hiện trạng của các tổ chức, cá nhân tại các khu chức năng theo quy hoạch trong phạm vi đồ án được quản lý theo các quy định và chính sách hiện hành (về nhà, đất; đầu tư xây dựng).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này để hướng dẫn thực hiện triển khai các bước tiếp theo.

Điều 12. Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, được lưu trữ tại Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 13. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung của quy định này phải được UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN